

Số: 31/CVSGT/2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019.

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm trước)

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ vào:

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SGT) đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã công bố ngày 29/03/2019

SGT xin giải trình lợi nhuận kế toán sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh riêng lẻ:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số liệu sau kiểm toán		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Năm 2018	Năm 2017		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	449,933,592,386	619,331,542,866	(169,397,950,480)	-27.4%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	449,933,592,386	619,331,542,866	(169,397,950,480)	-27.4%
4.	Giá vốn hàng bán	238,587,191,138	401,808,136,485	(163,220,945,347)	-40.6%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,346,401,248	217,523,406,381	(6,177,005,133)	-2.8%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	9,282,028,498	29,743,805,509	(20,461,777,011)	-68.8%
7.	Chi phí tài chính	36,444,366,339	26,407,958,972	10,036,407,367	38.0%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>31,133,680,284</i>	<i>32,634,120,473</i>	<i>(1,500,440,189)</i>	<i>-4.6%</i>
8.	Chi phí bán hàng	15,903,380,437	24,754,307,862	(8,850,927,425)	-35.8%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,876,547,063	54,924,116,387	(33,047,569,324)	-60.2%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	146,404,135,907	141,180,828,669	5,223,307,238	3.7%
11.	Thu nhập khác	2,471,191,035	1,995,723,854	475,467,181	23.8%
12.	Chi phí khác	1,851,192,096	7,469,610,727	(5,618,418,631)	-75.2%
13.	Lợi nhuận khác	619,998,939	(5,473,886,873)	6,093,885,812	111.3%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	147,024,134,846	135,706,941,796	11,317,193,050	8.3%
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,010,849,066	26,476,824,133	(465,975,067)	-1.8%
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(161,458,990)	(161,458,990)	-	0.0%

17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121,174,744,770	109,391,576,653	11,783,168,117	10.8%
-----	--	-----------------	-----------------	----------------	-------

Trong năm 2018, công ty đẩy mạnh phát triển kinh doanh về chiều rộng lẫn chiều sâu trên các lĩnh vực như: mua bán thiết bị viễn thông, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông trong và ngoài nước, cho thuê văn phòng ... Tuy nhiên, mảng cho thuê đất dài hạn và bán nhà xưởng tại Bắc Ninh giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước do công ty đã cho thuê toàn bộ diện tích vào các năm trước. Chính vì vậy doanh thu thuần năm nay giảm 27.4% và giá vốn hàng bán giảm 40.6% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính năm nay chỉ phát sinh từ các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn nên cũng giảm 68.8% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác cũng giảm tương ứng từ 35.8% đến 60.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chính những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động giảm 10.8 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Lợi nhuận sau thuế tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Số liệu sau kiểm toán		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Năm 2018	Năm 2017		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	682,408,428,604	815,803,566,246	(133,395,137,642)	-16.35%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	4,412,096,899	17,156,800,684	(12,744,703,785)	-74.28%
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	677,996,331,705	798,646,765,562	(120,650,433,857)	-15.11%
4.	Giá vốn hàng bán	446,828,307,546	557,506,429,949	(110,678,122,403)	-19.85%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	231,168,024,159	241,140,335,613	(9,972,311,454)	-4.14%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	4,115,958,513	30,154,061,845	(26,038,103,332)	-86.35%
7.	Chi phí tài chính	39,105,653,375	27,291,505,727	11,814,147,648	43.29%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>32,644,975,752</i>	<i>33,463,325,401</i>	<i>(818,349,649)</i>	<i>-2.45%</i>
8.	Chi phí bán hàng	29,939,980,036	42,972,239,640	(13,032,259,604)	-30.33%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30,368,466,210	64,102,414,298	(33,733,948,088)	-52.63%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	135,869,883,051	136,928,237,793	(1,058,354,742)	-0.77%
11.	Thu nhập khác	10,599,619,948	8,832,167,054	1,767,452,894	20.01%
12.	Chi phí khác	1,883,236,551	7,583,511,732	(5,700,275,181)	-75.17%
13.	Lợi nhuận khác	8,716,383,397	1,248,655,322	7,467,728,075	598.06%
14.	Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	144,586,266,448	138,176,893,115	6,409,373,333	4.64%
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,791,516,488	26,986,539,252	(195,022,764)	-0.72%
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(161,458,990)	(13,665,620)	(147,793,370)	1081.50%
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	117,956,208,950	111,204,019,483	6,752,189,467	6.07%

261506
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SIÊU VIỄN THÔNG
SAIGON
T. P. HỒ CHÍ MINH

19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	117,956,208,950	111,204,019,483	6,752,189,467	6.07%
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,594	1,503	91	6.07%
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,594	1,503	91	6.07%

Ngày 24 tháng 04 năm 2018, công ty con của SGT là công ty TNHH Một thành viên Saigontel được chuyển đổi thành công ty CP Đầu Tư Bất Động Sản Saigontel (Saigontel Land) theo ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, trong 6 tháng cuối năm 2018, SGT và các công ty con đẩy mạnh phát triển kinh doanh trên các lĩnh vực như: mua bán thiết bị viễn thông, cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông trong và ngoài nước, cho thuê văn phòng, phân phối thiết bị công nghệ Lĩnh vực kinh doanh bất động sản của Saigontel Land đang thực hiện triển khai các bước ban đầu nên chưa ghi nhận được doanh thu và lợi nhuận từ mảng hoạt động kinh doanh này. Đồng thời, mảng cho thuê đất dài hạn và bán nhà xưởng tại Bắc Ninh giảm đột biến so với cùng kỳ năm trước nên doanh thu thuần năm nay giảm 15.11% và giá vốn hàng bán giảm 19.85% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính năm nay chỉ phát sinh từ các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn nên cũng giảm 86.35% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác cũng giảm tương ứng từ 30.33% đến 52.63% so với cùng kỳ năm trước.

Chính những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay biến động giảm 6.07% so với cùng kỳ năm trước.

Đồng thời, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 công ty đã thực hiện hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của các công ty con với tỷ lệ góp vốn như sau:

Tên Công ty	Vốn thực góp tính đến ngày 31/12/2018	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Saigontel	38,572,417,041	65%	65%
Công ty Cổ phần Phân phối và Dịch vụ Saigontel	30,000,000,000	100%	100%
Công ty CP Đầu tư Kinh Bắc	13,360,000,000	89%	89%

Do hiện tại chỉ mới các công ty mẹ thực hiện góp vốn nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất chỉ ghi nhận cho công ty mẹ.

Trân trọng .

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CẨM PHƯƠNG